

Bản án số: 48 /2017/HSST

Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hưng Biên

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Ngọc Sửu

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSST ngày 23/8/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/HSST-QĐ ngày 05/9/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T1**, sinh năm 1987 tại D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT: xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị H; có vợ: Nguyễn Thị H9 và có 01 con; tiền sự: không;

Tiền án: ngày 20/12/2006, TAND huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/11/2013;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2016, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Võ Thị An B, là Luật sư của Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thế M, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Dương Văn H1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng T

Địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Do ông Nguyễn Hồng T2 và ông Bùi Văn S, ông Nguyễn Xuân C1, đại diện theo ủy quyền (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HL, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đào Văn H3, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Tạ Quang Đ1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

7. Anh Tạ Quang T4, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

9. Anh Nguyễn Trung H4, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

10. Anh Nguyễn Thế T5, sinh năm 1993 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

11. Anh Mẫn Văn A, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

12. Anh Đỗ Đình C2, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

13. Anh Nguyễn Tiến H5, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

14. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

15. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

16. Anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

17. Anh Dương Văn H7, sinh năm 1993 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn TV, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

18. Anh Hoàng Bá H8, sinh năm 1987 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

19. Chị Nguyễn Thị H9, sinh năm 1997 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Xóm M, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

20. Ông Dương Văn Đ2, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

21. Ông Nguyễn Thế L3, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn T1 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Buổi tối ngày 09/7/2016, Tạ Quang Đ1- sinh năm 1992, Nguyễn Thành Long- sinh năm 1992, Nguyễn Văn T7- sinh năm 1994, Nguyễn Đức T3- sinh năm 1985 ở Thôn B, xã HA, huyện H, tỉnh Bắc Giang đến nhà Tạ Quang T4- sinh năm 1990 ở cùng thôn ăn cơm uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm rủ nhau đến quán TL ở cùng thôn hát Karaoke.

Trong khoảng thời gian này, Mẫn Văn A- sinh năm 1993 ở Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cùng nhóm bạn đồng niên gồm Dương Văn H7, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Tiến H5, Đỗ Đình C2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T6 đều ở huyện P, tỉnh Thái Nguyên cũng đến quán TL hát Karaoke.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Tạ Quang Đ1 ra quầy lễ tân thanh toán tiền thì gặp Mẫn Văn A ở đó. Hai người có va chạm vào nhau. Do sợ bị đánh, Đ1 gọi điện cho Nguyễn Văn H2- sinh năm 1992 ở Thôn HL, xã HA, huyện H nhờ đến đưa về. H2 đi xe máy đến quán hát gặp Đ1 và được Đ1 kể về việc vừa bị một thanh niên du đẩy đồng thời chỉ tay về phía Mẫn Văn A đang đứng. H2 đi đến khoác vai Mẫn Văn A bảo đi ra cửa nhưng A không đi. Anh Đỗ Đức T8 là chủ quán ra can ngăn, yêu cầu mọi người ra về. Khi H2 đi ra lấy xe máy thì bị Nguyễn Tiến H5 dùng dép đánh một cái vào mặt. Anh T8 tiếp tục can ngăn. Sau đó, H2 cùng mọi người trong nhóm đi khỏi quán.

Sau khi nhóm thanh niên xã HA, huyện H đi ra khỏi quán, Dương Văn H7 gọi điện cho Trần Văn T1 - sinh năm 1987 ở thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên kể việc xảy ra xô sát với thanh niên huyện H và nhờ T1 đến đón. T1 gọi điện cho Nguyễn Thế T5- sinh năm 1993 ở thôn T, xã D, huyện P bảo đến quán TL trước, nếu có đánh nhau thì can ngăn. Lúc này, T5 đang ở quán cầm đồ của T1 ở xã Đ, huyện H cùng Nguyễn Trung H4- sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã T, huyện P. Sau khi nhận được điện thoại của T1 thì T5 cầm 01 búa đinh đi xe máy đèo H4 đến quán

TL. Còn Trần Văn T1 lái xe ô tô Biển kiểm soát 20A- 176.97, trên xe có sẵn 01 khẩu súng tự chế bắn đạn hoa cải cùng 03 viên đạn và 02 thanh kiếm đến quán TL. Khi T5 đến quán thì Nguyễn Văn H6 nhìn thấy chạy ra lấy búa của T5. Lúc này, T1 cũng vừa đi xe ô tô đến quán. T1 thấy một số thanh niên không quen biết đứng ở bên đường đối diện trước cửa quán nên cầm súng bắn một phát chỉ thiên thì nhóm thanh niên này bỏ chạy.

Ngay sau đó, Dương Văn H7 và Nguyễn Văn H6 chạy đến mở cửa xe ô tô thì thấy ở ghế sau xe có 02 thanh kiếm. H7 và H6 mỗi người cầm một thanh kiếm. H6 đưa cho Đỗ Đình C2 01 chiếc vỏ kiếm cùng búa đinh nhưng do thấy nhóm thanh niên xã HA không còn ở quán nên H7, H6 cùng H4, H3, C2 lên xe ô tô. T1 lái xe chở cả nhóm đi về huyện P. T5 và L2 mỗi người đi một xe máy, T6 chở A đi xe máy phía sau. Đi được một đoạn thì C2 xuống xe ô tô ngồi sau xe của T5.

Nhóm thanh niên xã HA sau khi rời khỏi quán thì Nguyễn Văn H2, Tạ Quang Đ1, Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Văn T7 đi lên khu vực kè G tìm quán chơi điện tử; số còn lại về quán của anh Nguyễn Chí H ở thôn B, xã HA chơi bi-a. Do quán điện tử đóng cửa nên nhóm của H2 quay về. H2 đi xe máy một mình còn L1 đi một xe chở T7 và Đ1. Khi H2 và L1 vừa quay xe về thì gặp Nguyễn Văn T6 đi xe máy chở Mẫn Văn A còn Nguyễn Văn L2 đi 01 xe đến. Phát hiện thấy nhóm của H2 thì T6 và L2 quay xe lại đuổi theo. Mẫn Văn A cầm một điều cây bằng tre, L2 cầm một đoạn gậy gỗ. H2 và L1 điều khiển xe chạy về hướng quán nhà anh Nguyễn Chí H. Trên đường bỏ chạy, L1 bị ngã xe. H2 tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy thì T6, L2 đuổi phía sau đến quán nhà anh Nguyễn Chí H nhưng thấy đông người nên T6 và L2 quay xe đi về hướng huyện P. H2 chạy vào trong quán thông báo cho mọi người biết. Sau đó, H2 cùng Tạ Quang Đ1, Nguyễn Thành L1, Tạ Quang T4, Nguyễn Đức T3, Đào Văn H3, Nguyễn Khương D đi xe máy, cầm gậy bi-a đuổi theo T6 và L2 đến khu vực thôn T, xã T, huyện H thì dừng lại đỗ ở ven đường.

Đối với Trần Văn T1 khi lái xe ô tô về đến khu vực cầu C, huyện P do không thấy nhóm của Mẫn Văn A nên quay lại tìm. Khi T1 đi đến xã HA, huyện H thì gặp nhóm của Mẫn Văn A đi xe máy ngược chiều nên T1 quay xe lại đi về hướng huyện P. Khi đi đến khu vực cầu H thì T1 phát hiện thấy nhóm thanh niên xã HA cầm hung khí đứng ở ven đường. T1 điều khiển xe đi chậm lại và thò súng ra ngoài cửa xe bắn một phát chỉ thiên để dọa. T1 tiếp tục điều khiển xe ô tô đi qua khoảng 15m thì đỗ xe lại, lắp tiếp một viên đạn vào súng rồi cùng mọi người xuống xe. H7 và H6 mỗi người cầm một thanh kiếm đứng ở cạnh xe, T5 đi xe máy đỗ trước đầu xe ô tô.

Nhóm thanh niên xã HA cầm hung khí tiến về phía trước cách T1 khoảng 10m. Lúc này, anh Nguyễn Thế M- sinh năm 1993 ở Thôn Q, xã Đ, huyện H đi xe máy đèo anh Dương Văn H1- sinh năm 1994 ở Thôn Đ, xã H, huyện H đi chơi đến thì thấy có đông người cầm hung khí. Anh M nhận ra T1 (chủ quán cầm đồ CT) cầm súng từ trên xe ô tô bước xuống. Do sợ nên anh M quay xe lại đi về hướng

huyện H. Đúng lúc này, T1 dơ súng lên hướng về phía nhóm thanh niên xã HA nổ súng làm đạn bắn trúng vào người anh M và anh H1 làm 2 người bị thương.

Sau đó, T1 đưa mọi người trong nhóm quay lại quán TL lấy xe máy về. Trên đường đi, T1 nhận được điện thoại của Nguyễn Văn H2 nói cho biết việc T1 bắn làm hai người bị thương hiện đang cấp cứu ở bệnh viện huyện H. T1 đến bệnh viện thì biết có hai người bị thương. T1 gọi điện cho Dương Văn H7 bảo mọi người đi về nhà T1. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày tại nhà T1 có T1 và Mẫn Văn A, Đỗ Đình C2, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Tiến H5, Nguyễn Văn H6, Dương Văn H7. T1 nói cho mọi người trong nhóm biết việc T1 nổ súng làm hai người bị thương và dặn nếu Công an gọi hỏi thì khai người bắn là một thanh niên lạ bạn T1. Sau đó, T1 đi ô tô chở H7 và H6 đến quán cầm đồ của T1 ở xã Đ, huyện H gặp T5 và H4, số còn lại ra về. T1 nói cho T5 và H4 biết việc đã bắn hai người bị thương và dặn nếu Công an gọi hỏi thì khai người bắn là một thanh niên lạ bạn T1. Sau đó, T1 về nhà ngủ. Ngày hôm sau, T1 đến nhà anh Hoàng Bá H8, sinh năm 1987 ở phố T, thị trấn N, huyện T thể chấp xe ô tô biển kiểm soát 20A-176.97 vay 200.000.000 đồng rồi bỏ trốn.

Anh Nguyễn Thế M và Dương Văn H1 bị thương được đưa đến Bệnh viện huyện H, Bệnh viện V khám đến ngày 10/7/2016 chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị và được ra viện ngay trong ngày. Anh H1 đến Bệnh viện Q và cơ sở y tế tư nhân tại huyện P làm thủ thuật lấy được 03 dị vật kim khí từ các vết thương và nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 11/7/2016, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Trần Văn T1 ở thôn M, xã L, huyện P thu giữ 02 túi nilon chứa 195 viên bi màu vàng, kích thước 02mm; 01 cát tút màu vàng.

Ngày 15/7/2016, Trần Văn T1 ra đầu thú. Theo T1 khai đã ném khẩu súng xuống kê G thuộc xã HA, huyện H. Căn cứ lời khai của T1, Cơ quan điều tra đã truy tìm và thu giữ 01 khẩu súng tự chế có đặc điểm dài 36cm, lòng súng đường kính 1,4cm hình tròn màu đen bằng kim loại, báng súng bằng kim loại chỗ rộng nhất 3,5cm, ốp hai mảnh nhựa màu đen bắn vít.

Khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra vụ án tại Quốc lộ 37 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; phía Đông tiếp giáp bờ đê và cánh đồng thôn H; phía Tây tiếp giáp bãi đất trống và gia đình anh T- B; phía Bắc tiếp giáp là Quốc lộ 37 hướng đi huyện P, tỉnh Thái Nguyên; phía Nam tiếp giáp là Quốc lộ 37 hướng đi thị trấn T, huyện H. Lòng đường Quốc lộ 37 rộng 7,7m, lề đường phải (hướng thị trấn T đi Thái Nguyên) rộng 3,5m. Hiện trường đã bị xáo trộn một phần, theo mô tả của người biết việc (Nguyễn Văn H2), vị trí anh M và anh H1 bị bắn cách mốc lộ giới ký hiệu H5/94 là 33,7m, cách mép lòng đường thị trấn T đi Thái Nguyên là 01m. Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra không phát hiện thu giữ đồ vật, dấu vết gì.

Về thương tích của anh Dương Văn H1:

Bản tóm tắt bệnh án số lưu trữ 86/7 ngày 20/7/2016 của Bệnh viện đa khoa huyện H xác nhận:

Anh Dương Văn H1 vào viện ngày 09/7/2016, ra viện ngày 10/7/2016.

Chẩn đoán khi vào viện: Vết thương phần mềm do bị đạn bắn.

Triệu chứng lâm sàng đã có: Vùng lưng có 5 vết thương nhỏ, mông phải có 2 vết, đùi phải có 1 vết.

Giấy sao bệnh án số 1517 ngày 05/8/2016 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận:

Anh Dương Văn H1 vào viện ngày 10/7/2016, ra viện ngày 10/7/2016.

Chẩn đoán khi ra viện: Vết thương phần mềm do hỏa khí vùng lưng, đùi phải.

Kết quả xét nghiệm: XQ có nhiều nốt cản quang bất thường phần mềm từ vùng thắt lưng đến đùi phải.

Về thương tích của anh Nguyễn Thế M:

Bản tóm tắt bệnh án số lưu trữ 86/7 ngày 20/7/2016 của Bệnh viện đa khoa huyện H xác nhận:

Anh Nguyễn Thế M vào viện ngày 09/7/2016, ra viện ngày 09/7/2016.

Chẩn đoán khi vào viện: Vết thương thấu bụng do bị đạn bắn.

Triệu chứng lâm sàng đã có: Vùng lưng có 1 vết thương 0,5x0,5cm, sâu không rõ.

Giấy sao bệnh án số 1518 ngày 05/8/2016 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận:

Anh Nguyễn Thế M vào viện ngày 10/7/2016, ra viện ngày 10/7/2016.

Chẩn đoán ra viện: Dị vật vùng lưng do bị bắn.

Kết quả xét nghiệm:

- 01 vết thương vùng thắt lưng phải, kích thước 0.5cm (đã khâu);
- XQ: Có dị vật cản quang bất thường phần mềm cạnh phải cột sống thắt lưng ngang mức L3.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 áo phông và 01 quần bò của Dương Văn H1; 01 áo phông của Nguyễn Thế M đã mặc khi bị bắn. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định về thương tích và tính năng, tác dụng của khẩu súng đã thu giữ của Trần Văn T1.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 7500 và số 7501 ngày 10/11/2016 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Bắc Giang kết luận:

- Anh Nguyễn Thế M bị tỷ lệ tổn thương là 04%.

- Anh Dương Văn H1 bị tỷ lệ tổn thương là 10%.

Kết luận giám định số 3181/C54(P3) ngày 22/7/2016 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận:

- *Khẩu súng ghi thu trong vụ trên gửi đến giám định là súng ngắn tự tạo bắn đạn ghém cỡ 12 và đạn quân dụng K44 (7,62x54mm), có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng.*

- *Khi sử dụng khẩu súng trên bắn đạn vào cơ thể người ở khoảng cách đến 20m có gây sát thương (chết hoặc bị thương);*

- *Các lỗ thủng trên 01 quần bò và 02 áo phông gửi giám định giống lỗ thủng do các viên bi của đạn ghém bắn tạo ra.*

Công văn số 486/C54(P3) ngày 15/3/2017 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát giải thích: *Mức độ sát thương của khẩu súng Trần Văn T1 sử dụng đã được xác định trong kết luận số 3181/C54(P3) ngày 22/7/2016 của Viện khoa học hình sự, nhưng để xác định khoảng cách từ vị trí Trần Văn T1 cầm súng bắn đến vị trí nạn nhân Dương Văn H1 và Nguyễn Thế M chính xác là bao nhiêu mét thì không đủ cơ sở.*

Trong quá trình điều tra, Trần Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. T1 khai mua khẩu súng cùng 05 viên đạn của một người không quen biết ở bãi vàng T- Thái Nguyên vào khoảng tháng 03/2016, mục đích sử dụng săn bắn. T1 đã sử dụng 02 viên đạn để bắn chim, còn 03 viên đạn T1 bắn hết khi gây án; số viên bi và chiếc cát tút là do T1 nhặt được.

Tại bản cáo trạng số 21/KSĐT-TA ngày 16/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xét xử đối với bị cáo Trần Văn T1 về tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 93 và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 230 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng với diễn biến vụ án xảy ra. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh bị truy tố vì bị cáo không có ý thức thương đoạt tính mạng hay giết hại người khác, không có ý thức gây thương tích cho người khác, khi thấy nhóm thanh niên tiến đến thì bị cáo đã bắn chỉ thiên, thấy họ không bỏ đi thì bị cáo xuống xe ô tô nổ súng để giải tán họ và lái xe ô tô đi về huyện P- Thái Nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đề nghị tách ra giải quyết ở vụ án khác theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA-CERATO biển kiểm soát 20A-176.97, bị cáo nhất trí giao cho Ngân hàng quản lý để xử lý nợ giữa vợ chồng bị cáo và ngân hàng.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng của VKSND tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn T1; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Giết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

Đề nghị áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18, Điều 52, Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội Giết người;

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai tội là 13 năm 06 tháng tù đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Thế M từ 54 đến 60,5 triệu đồng, trừ đi 15 triệu đồng gia đình bị cáo đã bồi thường; bồi thường cho anh Dương Văn H1 từ 68,5 đến 75 triệu đồng, trừ đi 35 triệu đồng gia đình bị cáo đã bồi thường;

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Bá H8 200 triệu đồng.

Về vật chứng: Trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA-CERATO biển kiểm soát 20A-176.97 và giấy tờ kèm theo cho Ngân hàng T; Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về vật chứng khác và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý thức chủ quan của bị cáo như bị cáo khai tại phiên tòa là chỉ giờ súng về phía sau xe ô tô của bị cáo bắn, không rõ phía đó có người hay không có người và việc bắn trúng người bị hại là ngoài ý muốn, bị cáo không có mục đích tước đoạt tính mạng của họ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ của hành vi, hậu quả xảy ra và ý thức chủ quan của bị cáo xử bị cáo mức hình phạt dưới khung bị truy tố về tội Giết người. Về trách nhiệm dân sự không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo bổ sung ý kiến của Luật sư: Quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng bị cáo nhằm giết người bị hại là không đúng vì bị cáo không có ân oán gì với họ, không nhằm giết hại họ, bị cáo chỉ bắn cảnh cáo mà không có ý thức giết hại ai, đề nghị HĐXX xem xét. Về trách nhiệm dân sự mà Kiểm sát viên đề nghị thì người bị hại chỉ bị thương tích 4% và 10% nên đề nghị cân nhắc mức bồi thường Viện kiểm sát đề nghị nằm ngoài khả năng của bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng T nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát về phần xử lý đối với xe ô tô, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chiếc xe ô tô để xử lý nợ vay.

Anh Hoàng Bá H8 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền vay 200 triệu đồng, không đồng ý việc giao trả xe ô tô cho Ngân hàng.

Anh Nguyễn Thế T5 và anh Dương Văn H7 đều giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và không có đề nghị gì.

Chị Nguyễn Thị H9 khai chị đã bồi thường cho anh Dương Văn H1 35 triệu đồng, anh Nguyễn Thế M 15 triệu đồng và chị không yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại số tiền trên cho chị. Vợ chồng chị đã vay tiền Ngân hàng T và có thể chấp xe ô tô, nay chị nhất trí giao xe ô tô như đề nghị của Ngân hàng T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tư cách tố tụng của Ngân hàng T: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định là Nguyên đơn dân sự, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng việc vợ chồng bị cáo vay nợ Ngân hàng T là quan hệ dân sự không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, trong quá trình giải quyết vụ án có liên quan đến chiếc xe ô tô là vật chứng của vụ án mà Cơ quan điều tra thu giữ, nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tố tụng của Ngân hàng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không phải là nguyên đơn dân sự.

Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố vụ án, không có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 09/7/2016, tại khu vực cầu H địa phận xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do mâu thuẫn giữa nhóm thanh niên huyện P, tỉnh Thái Nguyên với nhóm thanh niên xã HA, huyện H, Trần Văn T1 đã dùng 01 khẩu súng ngắn tự tạo (có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng) bắn 02 phát chỉ thiên đe dọa. Sau đó, T1 dùng súng hướng nòng súng về phía nhóm thanh niên xã HA, huyện H và bóp cò súng. Lúc này, có anh Nguyễn Thế M đi xe máy chở anh Dương Văn H1 đi đến, sợ bị đánh đã điều khiển xe quay lại, khoảng cách với vị trí T1 cầm súng bắn là 12, 9m, làm đạn trúng vào người anh M và anh H1. Hậu quả làm anh H1 bị tỷ lệ tổn thương 10%, anh M bị tỷ lệ tổn thương 04%.

Tại phiên tòa bị cáo khai qua gương chiếu hậu, bị cáo nhìn thấy một số người cầm hung khí, bị cáo xuống xe và cầm súng chĩa nòng về phía vùng tối hướng nhóm thanh niên huyện H cầm hung khí bắn. Cơ quan điều tra đã xác định được khoảng cách giữa bị cáo với anh H1, anh M là 12,9m, bị cáo có nhìn thấy anh M, anh H1 và bị cáo khai khoảng cách khoảng 10m nên bị cáo cầm súng là loại vũ khí có tính sát thương cao bắn về phía họ thì buộc bị cáo phải biết có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị bắn trúng đạn, nhưng bị cáo vẫn cố ý bắn súng về phía họ, chứng tỏ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hậu quả bị cáo gây ra là anh H1 bị trúng đạn, với tỷ lệ tổn thương là 10%; anh M bị trúng đạn, với tỷ lệ tổn thương là 4%. Anh H1 và anh M không bị thiệt hại về tính mạng là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Giữa bị cáo và nhóm thanh niên ở HA huyện H không có mâu thuẫn gì, bị cáo đã dùng súng (loại súng bắn ra đạn tảo diện rộng) bắn họ thể hiện tính côn đồ và có thể gây ra cái chết của nhiều người. Bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nay lại phạm vào tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung tái phạm nguy hiểm đối với tội Giết người. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Văn T1 phạm tội Giết người với các tình tiết tăng nặng định khung: Giết nhiều người, có tính chất côn đồ, tái phạm nguy hiểm, vi phạm điểm a, n, p khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Bị cáo có hành vi mua súng tự chế của một người không quen biết sau đó cất giấu ở nhà và sử dụng súng đó bắn vào người khác vì vậy Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, theo khoản 1 Điều 230 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại là anh Dương Văn H1 35.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Thế M 15.000.000 đồng, được anh Nguyễn Thế M xin giảm nhẹ hình phạt, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, cần được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt đối với bị cáo về tội Giết người. Đối với tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị kết án về tội Cướp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” ở điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Về hình phạt: Về tội giết người, bị cáo phạm tội giết người thuộc trường hợp chưa đạt vì vậy cần áp dụng Điều 18, Điều 52 của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài với hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Về tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Đối với các đối tượng Nguyễn Thế T5, Nguyễn Trung H4, Dương Văn H7, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Tiến H5, Đỗ Đình C2, Mẫn Văn A, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn L2 ở huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Tạ Quang Đ1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Thành L1, Tạ Quang T4, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Khương D, Đào Văn H3 ở huyện H, Bắc Giang có hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng chưa đến mức xử lý về hình sự nên Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, các đối tượng Dương Văn H7, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Tiến H5, Nguyễn Trung H4, Nguyễn Thế T5 và Đỗ Đình C2 biết rõ Trần Văn T1 dùng súng bắn làm anh H1 và anh M bị thương và được T1 dặn khai báo không đúng sự thật khi cơ quan Công an hỏi. Tuy nhiên khi được Cơ quan điều tra triệu tập, các đối tượng trên khai báo thành khẩn, không gây cản trở điều tra nên Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ pháp luật.

Đối với đối tượng bán khẩu súng trên cho T1 do không xác định được tên và địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã yêu cầu anh H1 và anh M nộp các giấy tờ, tài liệu, hóa đơn để chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường sức khỏe của mình. Tuy nhiên cả anh H1 và anh M đều không lưu giữ các hóa đơn, giấy tờ khi điều trị tại bệnh viện.

Xét thấy bị cáo T1 dùng súng bắn vào người anh H1 và anh M. Hiện tại đạn vẫn còn trong người, thương tích của anh H1 là 10%, anh M là 4%. Cả anh H1 và anh M phải đi điều trị mất nhiều lần, vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường của anh H1 và anh M.

Đối với anh Dương Văn H1:

- Tiền thuê xe cấp cứu tại bệnh viện và đưa, đón về chấp nhận 10 triệu đồng.
- Tiền cứu chữa, phục hồi sức khỏe chấp nhận 15 triệu đồng.
- Tiền mất thu nhập của anh H1 và 01 người chăm sóc chấp nhận 20 ngày x 200.000 đồng/ngày x 02 người = 8 triệu đồng.
- Tiền tổn thất tinh thần chấp nhận 20 tháng lương cơ sở = 26 triệu đồng.

Tổng cộng là 59 triệu đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường 35 triệu đồng, còn buộc bị cáo phải bồi thường tiếp 24 triệu đồng.

Đối với anh Nguyễn Thế M:

- Chi phí cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe chấp nhận 10 triệu đồng.
- Tiền mất thu nhập chấp nhận 01 tháng lương là 8 triệu đồng.
- Tiền tổn thất tinh thần chấp nhận 10 tháng lương cơ sở = 13 triệu đồng.
- Tiền thuê xe chấp nhận 05 triệu đồng.

Tổng cộng là 36 triệu đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường 15 triệu đồng, còn buộc bị cáo phải bồi thường tiếp 21 triệu đồng.

Đối với yêu cầu của anh Hoàng Bá H8, do việc vay tiền giữa bị cáo và anh H8 là quan hệ dân sự, không liên quan đến tội phạm bị xét xử nên cần tách ra giải quyết ở vụ án khác; Việc vợ chồng bị cáo vay tiền Ngân hàng T, đây là quan hệ dân sự độc lập, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không giải quyết trong vụ án này.

Về vật chứng:

Đối với 01 quần bò, 02 áo phông cộc tay, 02 túi ni lông, 195 viên kim loại màu vàng, 01 cát tút bằng kim loại, 03 viên kim loại màu xanh thẫm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 khẩu súng ngắn không số hiệu đã bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang quản lý, nay khẩu súng này không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang thực hiện việc tiêu hủy vật chứng này theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu KIA- CERATO màu đen cũ, biển kiểm soát 20A-176.97 (kèm theo chìa khóa), một giấy chứng nhận kiểm định số 0070883 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng ký kết giữa vợ chồng bị cáo Trần Văn T1 và Ngân hàng T, tại phiên tòa, vợ chồng bị cáo đồng ý giao cho Ngân hàng T quản lý để xử lý tài sản thế chấp đối với khoản vay nợ, nên cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Giết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng điểm a, n, p khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 52, Điều 33 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 12 năm 06 tháng tù về tội Giết người.

Áp dụng khoản 1 Điều 230, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 01 năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2016.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế M 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng, được trừ đi 15.000.000 đồng đã bồi thường, bị cáo Trần Văn T1 còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Thế M 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải bồi thường cho anh Dương Văn H1 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng, được trừ đi 35.000.000 đồng đã bồi thường, bị cáo Trần Văn T1 còn phải bồi thường tiếp cho anh Dương Văn H1 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Tách quan hệ dân sự giữa bị cáo Trần Văn T1 và anh Hoàng Bá H8, giữa vợ chồng bị cáo Trần Văn T1 và Ngân hàng T ra khỏi vụ án để giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) quần bò màu xám đen đã cũ; 01 (một) áo phông cộc tay màu đen cũ; 01 (một) áo phông cộc tay màu xanh cũ; 02 (hai) túi ni lông và 195 viên kim loại màu vàng, mỗi viên có đường kính khoảng 02 mm; 01 (một) cát tút bằng kim loại màu vàng, đáy có số 17-72; Ba viên kim loại màu xanh thẫm, hình tròn có đường kính khoảng 04 mm.

Tịch thu tiêu huỷ một khẩu súng ngắn không số hiệu; súng dài 39,5 cm; nòng dài 33 cm; đường kính nòng (ổ chứa đạn) 12,5 cm và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang thực hiện việc tiêu huỷ vật chứng này theo thẩm quyền.

Giao trả cho và Ngân hàng T một xe ô tô hiệu KIA - CERATO màu đen cũ, biển kiểm soát 20A-176.97 (kèm theo chìa khóa), một giấy chứng nhận kiểm định số 0070883 để xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng ký kết giữa vợ chồng bị cáo Trần Văn T1 và Ngân hàng T.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, sau khi bản án có hiệu lực, nếu không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người TGGT vắng mặt;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu: HS,THS.

Ngô Quang Dũng

